

Bản án số: 34 /2017/HNGD-ST

Ngày: 28.7.2017.

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN SƠN TRÀ-TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Anh

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Nguyễn Văn Đồi

2. Bà: Nguyễn Thị Kim Ngọc

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Võ Ngọc Tín - Cán bộ Tòa án nhân dân quận Sơn Trà - Tp. Đà Nẵng.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân quận Sơn Trà tham gia phiên Tòa:

Bà Trần Thị Xuân Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Sơn Trà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 73/2017/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 04 năm 2017 về việc "Ly hôn, nuôi con chung" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2017/QĐST-HNGĐ ngày 5 tháng 7 năm 2017, Quyết định hoãn phiên tòa số 54 ngày 18.7.2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Hồng V: sinh năm 1975; Tổ 63 phường T, quận S, TPĐN. Có mặt

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn B- sinh năm: 1975 - Trú tại: Tổ 63 phường T, quận S, TPĐN. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai tại Tòa án nhân dân quận Sơn Trà cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Hồng V trình bày:

Bà Nguyễn Thị Hồng V và Ông Nguyễn B chung sống với nhau vào năm 1997. Hôn nhân của chúng tôi trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, quận S, TPĐN. Vợ chồng sống hạnh phúc năm 2012 thì mâu thuẫn phát sinh. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình và quan điểm sống

không hợp nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Ông B thường xuyên ghen tuông, nghi ngờ và uống rượu về nhà gây sự đánh đập vợ con, nên dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xích mích, cãi vã, xúc phạm nhau. Vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ từ năm 2013 đến nay. Nay về mặt tình cảm bà V xác định không còn yêu thương ông B nữa nguyện vọng yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn.

Về quan hệ con chung: Bà V xác định có 2 con: Nguyễn Thị Kim T - sinh ngày: 10.6.1999 và Nguyễn Gia M- sinh ngày 24.01.2006. Hiện nay con Nguyễn Thị Kim T đã đủ 18 tuổi và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng con Nguyễn Gia M bà V có nguyện vọng xin được nuôi con không yêu cầu ông B cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Bà V không yêu cầu giải quyết

Về nợ chung: Bà V xác định không có.

Bị đơn Ông Nguyễn B vắng mặt nên không có ý kiến của ông tại hồ sơ

* Tại phiên tòa hôm nay vị đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án gồm:

- Đối với việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử. Thẩm phán, thư ký tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng.

Đối với HĐXX: Tại phiên tòa HĐXX thực hiện đúng về nguyên tắc xét xử và thành phần HĐXX theo quy định của Bộ Luật tố tụng

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và đã chấp hành đúng quy định, bị đơn chấp hành chưa đầy đủ khi Tòa án có yêu cầu .

Căn cứ vào Điều 51, 56, 81 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị HĐXX tuyên:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của Bà Nguyễn Thị Hồng V đối xin ly hôn với ông Nguyễn B.

Về quan hệ con chung: Có 2 con: Nguyễn Thị Kim T- sinh ngày: 10.6.1999 và Nguyễn Gia M - sinh ngày 24.01.2006. Hiện nay con Nguyễn Thị Kim T đã đủ 18 tuổi và phát triển bình thường nên không đề cập đến. Riêng con Nguyễn Gia M chưa đủ tuổi trưởng thành đề nghị giao con cho bà V trực tiếp nuôi dưỡng, ông B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không đề cập đến.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và qua kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

* Về thủ tục: Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn B vắng mặt lần thứ hai nên căn cứ khoản Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông.

* Về nội dung: Bà Nguyễn Thị Hồng V và Ông Nguyễn B chung sống với nhau vào năm 1997. Hôn nhân của chúng tôi trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND phường A, quận Sơn Trà, TPĐN. Đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Vợ chồng sống hạnh phúc năm 2012 thì mâu thuẫn phát sinh. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình và quan điểm sống không hợp nhau, vợ chồng bất đồng quan điểm sống. Mặt khác ông B thường uống rượu về nhà gây sự đánh đập vợ con, nên từ đó dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra xích mích, cãi vã, xúc phạm nhau. Vợ chồng chấm dứt mọi quan hệ từ năm 2013 đến nay. Nay về mặt tình cảm bà V xác định không còn yêu thương ông B nữa nguyện vọng yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn. Đối với ông Nguyễn B tòa án đã triệu tập nhiều lần đến tham gia phiên tòa nhưng ông vẫn vắng mặt.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà V thì thấy: Hạnh phúc gia đình chỉ thực sự đạt được khi cả vợ chồng cùng có niềm tin và tình yêu, sự thông cảm và chia sẻ cùng nhau trong cuộc sống nhưng đến nay cả hai ông bà đã không còn giữ được điều này. Thời gian từ 2013 đến nay vợ chồng đã tự sống ly thân nhau càng tăng thêm rạn nứt tình cảm vợ chồng do đó, có níu kéo cũng không đem lại kết quả gì.

Đối với ông B tòa án đã triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa nhiều lần ông đều vắng mặt thể hiện ý thức không chấp hành pháp luật cũng như bỏ mặc níu kéo đối với quan hệ hôn nhân của mình.

Xét thấy mâu thuẫn của bà V và ông B đã thật sự trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà V là phù hợp với điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Bà V xác định có 2 con: Nguyễn Thị Kim T - sinh ngày: 10.6.1999 và Nguyễn Gia M - sinh ngày 24.01.2006. Hiện nay con Nguyễn Thị Kim T đã đủ 18 tuổi và phát triển bình thường nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng con Nguyễn Gia M bà V có nguyện vọng xin được nuôi con không yêu cầu ông B cấp dưỡng.

Xét yêu cầu xin được nuôi con của bà V thì thấy hiện tại cháu Nguyễn Gia M đang sống ổn định cùng với bà V và phát triển tốt về thể chất cũng như tinh thần, do vậy thấy không cần xáo trộn cuộc sống của cháu nên cần tiếp tục giao cháu Gia M cho bà V nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp điều 81 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam và phù hợp nguyện vọng của cháu. Về cấp dưỡng nuôi con bà V không yêu cầu ông B cấp dưỡng nên không đề cập đến.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Hồng V không yêu cầu giải quyết, và về nợ chung bà V xác định không có. Tuy nhiên ông B vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến của ông về vấn đề tài sản chung và nợ chung, để đảm bảo quyền lợi các đương sự HĐXX không đề cập đến nếu sau này các bên đương sự có yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung thì Tòa án sẽ thụ lý giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và các Điều 56, 58, 81 Luật Hôn Nhân và Gia Đình Việt Nam.

Chấp nhận đơn khởi kiện của Bà Nguyễn Thị Hồng V đối với ông Nguyễn B.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho Bà Nguyễn Thị Hồng V được ly hôn ông Nguyễn B. (*Do chấp nhận yêu cầu ly hôn bà V đối với ông B nên giấy chứng nhận kết hôn số 119 do UBND phường A cấp ngày 18.9.1997 không còn giá trị pháp lý*).

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia M - sinh ngày 24.01.2006 cho bà Nguyễn Thị Hồng V trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi, ông B không phải cấp dưỡng nuôi con.

Các bên vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật. Khi cần thiết vì lợi ích con chung của con các bên có quyền xin thay đổi người nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không đề cập đến.

4. Án phí HNGĐ-ST: 300.000đ bà V phải chịu (Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự quận Sơn Trà, TP Đà Nẵng theo Biên lai thu số 9006 ngày 25 tháng 4 năm 2017).

Án xử công khai sơ thẩm bà V biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng ông B vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết trích sao kết quả phiên tòa.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các điều 6,7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND quận S, TPĐN
- THADS quận S, TPĐN
- UBND nơi đăng ký kết hôn
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

LƯƠNG THỊ ANH